

Số: /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo Tờ trình của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mới kèm theo Quyết định này Danh mục **03 (ba)** thủ tục hành chính (TTHC), bãi bỏ **02 (hai)** TTHC được công bố tại Quyết định 878/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải và phê duyệt **03 (ba)** quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

Điều 2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải căn cứ Quyết định này thông báo và đăng tải công khai danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa, danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Truy cập địa chỉ <http://csdl.dichvucong.vn> để khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia; cung cấp nội dung TTHC cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và niêm yết, công khai. Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC tại phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, THNV.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI VÀ BÃI BỎ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
A. Lĩnh vực đăng kiểm								
01	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo (1.001001)	Mức độ toàn trình	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Sở Giao thông vận tải	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm; Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 13/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm; Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với

								<p>máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định vé giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.</p>
B. Lĩnh vực đăng kiểm								
02	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (2.002001)	Mức độ một phần	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Sở Giao thông vận tải	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc hình thức phù hợp khác	<p>- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.</p> <p>- Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều</p>

03	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (2.001998)	Mức độ một phần	05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng/ 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Sở Giao thông vận tải	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc hình thức phù hợp khác	<p>của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.</p> <p>- Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.</p>
----	--	-----------------	---	-----------------------------------	-------	-----------------------	---	--

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính
01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa
02	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
ĐĂNG KIỂM VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo

Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Bộ phận thực hiện	Trình tự các bước thực hiện/Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2 điểm)	Đúng hạn (1 điểm)	Quá hạn (0 điểm)
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên	- Tiếp nhận hồ sơ trên hệ thống phần mềm, xem xét sự hợp lệ: + Hồ sơ hợp lệ tiếp nhận và phản hồi lại cho tổ chức, cá nhân. + Hồ sơ không hợp lệ yêu cầu bổ sung và phản hồi lại cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn	0,5 giờ			
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Chuyên viên	- Kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ: + Phù hợp thì tiến hành xử lý. + Chưa phù hợp thì dự thảo công văn trả lời. - Trình lãnh đạo phê duyệt.	36 giờ			
		Lãnh đạo phòng	Duyệt hồ sơ, chuyển cho lãnh đạo Sở xử lý	2 giờ			
Bước 3	Lãnh đạo Sở GTVT	Ban lãnh đạo Sở	Phê duyệt kết quả	01 giờ			
Bước 4	Văn phòng Sở	Nhân viên văn thư	Đóng dấu (nếu có)	0,5 giờ			
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên	Chuyên trả kết quả cho tổ chức và cá nhân				

2. Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 10 (ngày làm việc) x 08 giờ = 80 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Bộ phận thực hiện	Trình tự các bước thực hiện/Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2 điểm)	Đúng hạn (1 điểm)	Quá hạn (0 điểm)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên	- Tiếp nhận hồ sơ trên hệ thống phần mềm, xem xét sự hợp lệ: + Hồ sơ hợp lệ tiếp nhận và phản hồi lại cho tổ chức, cá nhân. + Hồ sơ không hợp lệ yêu cầu bổ sung và phản hồi lại cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn	0,5 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Chuyên viên	- Kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ: + Phù hợp thì tiến hành xử lý. + Chưa phù hợp thì dự thảo công văn trả lời. - Trình lãnh đạo phê duyệt.	76 giờ			
		Lãnh đạo phòng	Duyệt hồ sơ, chuyển cho lãnh đạo Sở xử lý	2 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo Sở GTVT	Ban lãnh đạo Sở	Phê duyệt kết quả	01 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng Sở	Nhân viên văn thư	Đóng dấu (nếu có)	0,5 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên	Chuyển trả kết quả cho tổ chức và cá nhân				

3. Tên thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

a. Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng:

Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Bộ phận thực hiện	Trình tự các bước thực hiện/Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2 điểm)	Đúng hạn (1 điểm)	Quá hạn (0 điểm)
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên	- Tiếp nhận hồ sơ trên hệ thống phần mềm, xem xét sự hợp lệ: + Hồ sơ hợp lệ tiếp nhận và phản hồi lại cho tổ chức, cá nhân. + Hồ sơ không hợp lệ yêu cầu bổ sung và phản hồi lại cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn	0,5 giờ			
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Chuyên viên	- Kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ: + Phù hợp thì tiến hành xử lý. + Chưa phù hợp thì dự thảo công văn trả lời. - Trình lãnh đạo phê duyệt.	36 giờ			
		Lãnh đạo phòng	Duyệt hồ sơ, chuyển cho lãnh đạo Sở xử lý	2 giờ			
Bước 3	Lãnh đạo Sở GTVT	Ban lãnh đạo Sở	Phê duyệt kết quả	01 giờ			
Bước 4	Văn phòng Sở	Nhân viên văn thư	Đóng dấu (nếu có)	0,5 giờ			
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên	Chuyển trả kết quả cho tổ chức và cá nhân				

b. Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo:

Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 07 (ngày làm việc) x 08 giờ = 56 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Bộ phận thực hiện	Trình tự các bước thực hiện/Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2 điểm)	Đúng hạn (1 điểm)	Quá hạn (0 điểm)
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên	- Tiếp nhận hồ sơ trên hệ thống phần mềm, xem xét sự hợp lệ: + Hồ sơ hợp lệ tiếp nhận và phản hồi	0,5 giờ			

			lại cho tổ chức, cá nhân. + Hồ sơ không hợp lệ yêu cầu bổ sung và phản hồi lại cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn				
<i>Bước 2</i>	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Chuyên viên	- Kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ: + Phù hợp thì tiến hành xử lý. + Chưa phù hợp thì dự thảo công văn trả lời. - Trình lãnh đạo phê duyệt.	52 giờ			
		Lãnh đạo phòng	Duyệt hồ sơ, chuyển cho lãnh đạo Sở xử lý	2 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo Sở GTVT	Ban lãnh đạo Sở	Phê duyệt kết quả	01 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng Sở	Nhân viên văn thư	Đóng dấu (nếu có)	0,5 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên	Chuyên trả kết quả cho tổ chức và cá nhân				